

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày: 28 – 11 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh

2. Bà Lê Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2023/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HS ngày 14/11/2023 đối với bị cáo:

Trần Văn T (tên thường gọi khác: không), sinh năm 1994 tại Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm A, xã P1, huyện N2, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Đinh Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: không có; tiền sự: Ngày 08/6/2022 Trần Văn T bị Ủy ban nhân dân huyện N1 xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”, T đã nộp phạt nhưng chưa được xóa tiền sự. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Chị Nguyễn Thị Hà S, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

- Anh Trần Xuân N, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 9, xã P1, huyện N2, tỉnh Nghệ An.

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn B, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, phường V, Tp. P, Ninh Thuận.

- Nguyễn S, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn K, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

- Trần Thị H, sinh năm 1963. (vắng mặt)

- Lê N, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 14/02/2023, tại khu vực chợ P thuộc thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận xảy ra vụ việc có hai người đàn ông đến đòi nợ đối với chị Lê Thị Ngọc H, sinh ngày: 1986, trú thôn P, xã P. Do không đòi được tiền nên một người đàn ông xảy ra cãi nhau với chị Hiếu và người này đã dùng tay tát vào mặt chị Hiếu. Khi đó, người dân chạy đến can thiệp thì người đàn ông nói trên bỏ chạy, người đàn ông còn lại ngồi trên xe máy bị Công an đến mời về trụ sở để làm việc.

Tại Cơ quan Công an, người này khai tên Trần Văn T, SN: 1994, HKTT: Xóm A, xã P1, huyện N2, tỉnh Nghệ An. Tại Cơ quan Công an T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra chứng minh được: Vào năm 2021, Trần Văn T vào Ninh Thuận để làm thuê. Một thời gian sau, T thực hiện việc cho vay trên các địa bàn huyện N, thành phố P và huyện N1 với hình T cho vay trả góp, tiền vay giao động từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, trả góp trong 22 ngày với mức lãi suất là 162%/năm.

Ngày 24/5/2022, T bị Công an huyện N1 phát hiện hành vi nói trên và ngày 08/6/2022, T bị UBND huyện N1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”, xử phạt 15.000.000 đồng, T đã nộp phạt nhưng chưa được xóa tiền sự.

Sau đó từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023, T tiếp tục thực hiện hành vi cho vay trên các địa bàn huyện N, huyện N1, thành phố P với mức lãi suất 360%. Quá trình điều tra xác định Trần Văn T đã thực hiện việc cho vay trên 30 người nhưng Cơ quan điều tra đã làm việc chứng minh được 03 người vay cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Ngày vay	Số tiền vay (đồng)	Tiền phí (đồng)	Lãi suất (%năm)	Tiền lãi bất chính (đồng)	Tổng thu lợi bất chính (đồng)
1	Lê Thị Ngọc H	11/2022	5.000.000	250.000	360	480.556	730.556
2	Nguyễn Văn B, SN: 1990, HKTT: Khu phố 3, phường V, TP P	9/2022	3.000.000	150.000	360	708.333	858.333
3	Nguyễn Thị Hà S, SN: 1986, HKTT: T, T, N1, Ninh Thuận.	11/2022	5.000.000	100.000	360	1.180.556	1.280.556
	Tổng cộng:		13.000.000	500.000		2.369.444	2.869.444

Cáo trạng số 64/CT-VKS-HS ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và đề nghị.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung 50.000.000đ đến 80.000.000đ nộp sung quỹ Nhà nước.

Xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho T: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11, số máy: MWLU2VN/A, số sen: FK1CKDWON736, số IMEI: 352914117483186; 01 (một) đồng hồ đeo tay dây bằng kim loại màu trắng hiệu Audemars Piquet; 02 (hai) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên TRAN VAN THUC, số thẻ: 9704366815122493015 và 9704368615122493017; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên TRAN VAN THUC, số thẻ: 9704180000020076055; 01 (một) ví da màu đen; 01 (một) hộ chiếu mang tên Trần Văn T, số hộ chiếu C0880741; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, số 187372408, cấp ngày 08/6/2011; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, số 187372408, cấp ngày 28/7/2012. Đây là những đồ vật, tài liệu tài sản của Trần Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội cũng như các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Tuyên trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Xuân N, SN: 1991, trú Xóm 9, xã P1, huyện N2, tỉnh Nghệ An. Qua điều tra xác định tài liệu nói trên không liên quan đến vụ án.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6S, số máy: NKQL22LL/A, số seri: FK2QJHVRGRY8, số IMEI: 353308075980904; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen - bạc, gắn biển số 85C1-186.34, số máy: HC12E-5239698, số khung: HC1216DY240151. Quá trình điều tra xác định Trần Văn T sử dụng điện thoại, xe máy này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

01 (một) chứng nhận đăng ký xe số 001745, biển số đăng ký: 85C1- 186.34, mang tên Nguyễn Ngọc Tuấn; 01 (một) giấy bán xe biển số 85C1-186.34 ghi ngày 09/3/2020, tên người mua Trần Văn Đức. Đây là tài liệu liên quan đến chiếc xe biển số 85C1-186.34 mà Trần Văn T sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đưa các tài liệu này vào hồ sơ vụ án để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Số tiền 14.870.000 đồng. Tạm giữ của Trần Văn T nhưng quá trình phạm tội buộc phải nộp sung quỹ Nhà nước tổng số tiền 13.250.000 đồng, đề nghị trả cho T 1.620.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.870.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 2.869.444 đồng thu lợi bất chính trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Trần Văn T phải nộp để sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai quá trình làm thuê cho Trần V trong hoạt động cho vay, sau khi thu tiền của người vay thì T đã nộp lại cho Hải rồi được Hải trả tiền công 6 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng và cho hưởng tiền phí thu từ những người vay. Tuy nhiên, ngoài lời khai của T thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên việc T hưởng lợi bất chính số tiền trên, khi nào xác minh và làm việc được với Trần V có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với số tiền lãi 180.556 đồng tương ứng với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà Trần Văn T thu được từ hành vi cho vay lãi nặng, quá trình điều tra xác định đây là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 10.200.000 đồng mà Trần Văn T đã thu của những người vay Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Hà S, qua điều tra xác định đây là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Trần Văn T nộp lại để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Trong số 03 người đã xác minh, làm việc được hiện nay thì có chị Lê Thị Ngọc H đang giữ số tiền 2.550.000 đồng. Đây là tiền công cụ phạm tội của T phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc chị Hiếu giao nộp số tiền nêu trên để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Riêng số tiền anh Nguyễn Văn B vay của T 3.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hà S số tiền 5.000.000 đồng nhưng hiện nay anh Bút, chị Sơn đã trả đầy đủ cho T nên không xem xét đến.

Về dân sự:

Chị Nguyễn Thị Hà S yêu cầu trả lại số tiền 1.280.556 đồng mà T đã thu lợi bất chính gồm tiền phí và tiền lãi bất chính.

Anh Nguyễn Văn B và Lê Thị Ngọc H không có yêu cầu T trả lại số tiền đã thu lợi bất chính gồm tiền phí và tiền lãi bất chính nên không xem xét đến.

Đối với những người vay chưa làm việc được, khi nào người vay có yêu cầu thì đề nghị khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Theo lời khai của Trần Văn T cùng các tài liệu chứng cứ khác xác định ngoài 03 người vay nêu trên còn có trên 30 người khác đã vay tiền của T và Hải. Tuy nhiên, đến nay chưa làm việc được với Hải; có 02 người đã xác định được lai lịch nhưng đã đi khỏi địa phương, hiện không rõ đang ở đâu nên chưa làm việc được; số còn lại thì T không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác định được nhân thân, lai lịch để làm việc với những người vay này. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm người vay và sẽ tiếp tục xác minh, khi làm việc được sẽ xử lý và đề nghị tịch thu số tiền dùng vào việc cho vay có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với việc chị Lê Ngọc H bị người tên Hải đánh vào ngày 14/02/2023 làm vỡ 01 kính: Quá trình điều tra xác định chị Hiếu không bị thương tích, chị Hiếu không có yêu cầu gì đối với nội dung này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra, chị Lê Thị Ngọc H khai ngoài Trần Văn T thì có một người khác tên Đức cùng với Hải cho chị vay tiền, tuy nhiên chị Hiếu không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để đề nghị xử lý.

Bị cáo đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa, không tranh luận gì. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nên đủ cơ sở kết luận: Chỉ vì tham lam,

muốn hưởng lợi bất chính nên trong thời gian từ tháng 11/2022, Trần Văn T đã cho trên 30 người trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận vay với lãi suất 360%/năm (lãi suất gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong số đó Cơ quan điều tra đã xác minh, làm việc chứng minh được 03 người vay, qua đó xác định T đã cho vay 13.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 2.869.444 đồng.

Do bị cáo Trần Văn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, cụ thể ngày 08/6/2022 bị Ủy ban nhân dân huyện N1 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng về hành vi không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, T đã nộp phạt nhưng chưa được xóa tiền sự.

Vì vậy, hành vi nêu trên của Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận T rõ hành vi cho vay với lãi suất cao gấp nhiều lần của mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là vi phạm pháp luật. Nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần thiết áp dụng một hình phạt nghiêm minh trước pháp luật nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa loại tội phạm này trong xã hội. Tuy nhiên, do bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội không mang tính chất chuyên nghiệp và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tuyên trả lại cho T: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11, số máy: MWLU2VN/A, số seri: FK1CKDWON736, số IMEI: 352914117483186; 01 (một) đồng hồ đeo tay dây bằng kim loại màu trắng hiệu Audemars Piquet; 02 (hai) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên TRAN VAN THUC, số thẻ: 9704366815122493015 và 9704368615122493017; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên TRAN VAN THUC, số thẻ: 9704180000020076055; 01 (một) ví da

màu đen; 01 (một) hộ chiếu mang tên Trần Văn T, số hộ chiếu C0880741; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, số 187372408, cấp ngày 08/6/2011; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, số 187372408, cấp ngày 28/7/2012. Đây là những đồ vật, tài liệu tài sản của T, không liên quan đến hành vi phạm tội cũng như các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Tuyên trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Xuân N, SN: 1991, trú Xóm 9, xã P1, huyện N2, tỉnh Nghệ An. Qua điều tra xác định tài liệu nói trên không liên quan đến vụ án.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6S, số máy: NKQL22LL/A, số seri: FK2QJHVRGRY8, so IMEI: 353308075980904; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen - bạc, gắn biển số 85C1-186.34, số máy: HC12E-5239698, số khung: HC1216DY240151. Quá trình điều tra xác định Trần Văn T sử dụng điện thoại, xe máy này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Buộc Trần Văn T nộp lại để tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền là 13.250.000 đồng (trong đó số tiền gốc 10.200.000 đồng mà Trần Văn T đã thu của những người vay Lê Thị Ngọc H, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị Hà S là công cụ, phương tiện thực hiện tội; số tiền 2.869.444 đồng là tiền thu lợi bất chính trong vụ án; số tiền 180.556 đồng tương ứng với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự mà Trần Văn T thu được từ hành vi cho vay lãi nặng). Nhưng được trừ vào số tiền 14.870.000 đồng đang tạm giữ của bị cáo T.

Buộc chị Lê Thị Ngọc H giao nộp lại số tiền 2.550.000 đồng là công cụ phạm tội của T để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Quá trình điều tra, Trần Văn T khai quá trình làm thuê cho Trần V trong hoạt động cho vay, sau khi thu tiền của người vay thì T đã nộp lại cho Hải rồi được Hải trả tiền công 6 tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng và cho hưởng tiền phí thu từ những người vay. Tuy nhiên, ngoài lời khai của T thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên việc T hưởng lợi bất chính số tiền trên, khi nào xác minh và làm việc được với Trần V có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Riêng số tiền anh Nguyễn Văn B vay của T 3.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hà S số tiền 5.000.000 đồng nhưng hiện nay anh Bút, chị Sơn đã trả đầy đủ cho T, nên không xem xét đến.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 1.280.556 đồng mà T đã thu lợi bất chính gồm tiền phí và tiền lãi bất chính cho chị Nguyễn Thị Hà S.

Anh Nguyễn Văn B và Lê Thị Ngọc H không có yêu cầu T trả lại số tiền đã thu lợi bất chính gồm tiền phí và tiền lãi bất chính nên không xem xét.

Đối với những người vay chưa làm việc được, khi nào người vay có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[9] Theo lời khai của Trần Văn T cùng các tài liệu chứng cứ khác xác định ngoài 03 người vay nêu trên còn có trên 30 người khác đã vay tiền của T và Hải. Tuy

nhiên, đến nay chưa làm việc được với Hải; có 02 người đã xác định được lai lịch nhưng đã đi khỏi địa phương, hiện không rõ đang ở đâu nên chưa làm việc được; số còn lại thì T không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác định được nhân thân, lai lịch để làm việc với những người vay này. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm người vay và sẽ tiếp tục xác minh có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10] Đối với việc chị Lê Thị Ngọc H bị người tên Hải đánh vào ngày 14/02/2023 làm vỡ 01 kính. Quá trình điều tra xác định chị Hiếu không bị thương tích, chị Hiếu không có yêu cầu gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[11] Quá trình điều tra, chị Lê Thị Ngọc H khai ngoài Trần Văn T thì có một người khác tên Đức cùng với Hải cho chị vay tiền, tuy nhiên chị Hiếu không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ để đề nghị xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000^d quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Xử phạt bị cáo Trần Văn T phải nộp 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*) sung vào công quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho T: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11, số máy: MWLU2VN/A, số seri: FK1CKDWON736, số IMEI: 352914117483186; 01 (một) đồng hồ đeo tay dây bằng kim loại màu trắng hiệu Audemars Piquet; 01 (một) ví da màu đen.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 6S, số máy: NKQL22LL/A, số seri: FK2QJHVRGRY8, số IMEI: 353308075980904; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave màu đen - bạc, gắn biển số 85C1-186.34, số máy: HC12E-5239698, số khung: HC1216DY240151.

(*Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, ngày 09/10/2023 giữa Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N*)

Trả lại cho Trần Văn T: 02 (hai) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên TRAN VAN THUC, số thẻ: 9704366815122493015 và 9704368615122493017; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV mang tên TRAN VAN THUC, số thẻ: 9704180000020076055; 01 (một) hộ chiếu mang tên Trần Văn T, số hộ chiếu C0880741; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, số 187372408,

cấp ngày 08/6/2011; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn T, số 187372408, cấp ngày 28/7/2012.

Trả lại cho Trần Xuân N: 01 giấy phép lái xe số AU 455573, ngày 17/01/2012 do Sở Giao thông vận tải Nghệ An cấp.

(Vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án)

Buộc Trần Văn T nộp lại để tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 13.250.000^d *(Mười ba triệu, hai trăm lăm mươi ngàn đồng)*.

Buộc chị Lê Thị Ngọc H nộp lại để tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.550.000^d *(Hai triệu năm trăm lăm mươi ngàn đồng)*.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Hà S số tiền 1.280.556^d *(Một triệu, hai trăm tám mươi ngàn, năm trăm lăm mươi sáu đồng)*.

Tiếp tục tạm giữ của Trần Văn T số tiền 14.870.000đ *(Mười bốn triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng)* để đảm bảo thi hành án.

(Ủy nhiệm chi ngày 10/10/2023 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000^d *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/11/2023). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Cường